

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2024

**CHỈ THỊ**  
**Về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương và địa phương) triển khai việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo các nội dung dưới đây:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Căn cứ các Nghị quyết của Trung ương, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Nghị quyết về cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị); các Nghị quyết của Quốc hội về: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (Nghị quyết số 16/2021/QH15), kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 23/2021/QH15); giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các Nghị quyết của Chính phủ; các Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 của địa phương; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các Quy hoạch; trên cơ sở tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024 và dự kiến kế hoạch năm 2025, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; trong đó yêu cầu tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

1. Bối cảnh, việc quản lý, triển khai và chấp hành quy định của pháp luật, chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025. Đánh giá việc ban hành văn bản, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn trong quản lý đầu tư công của bộ, cơ quan, địa phương.

2. Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, nhiệm vụ, dự án theo từng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (nếu có)).

3. Tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công các năm 2021, 2022, 2023, ước thực hiện năm 2024, dự kiến kế hoạch năm 2025 theo từng nguồn vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án, cụ thể:

a) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản; xác định số nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước và từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 nhưng chưa được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để hoàn trả (nếu còn).

b) Thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định, bao gồm cả việc triển khai theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 của Quốc hội; xác định số dư vốn ứng trước còn lại phải bố trí vốn thu hồi trong giai đoạn 2026 - 2030 (nếu còn).

c) Triển khai thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

d) Thực hiện các dự án sử dụng vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023, dự phòng ngân sách trung ương hằng năm (nếu có).

đ) Xác định danh mục dự án và kế hoạch đầu tư công chi tiết theo từng nguồn vốn tương ứng (chi tiết dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C), cụ thể: Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 nhưng chưa bố trí đủ vốn kế hoạch hằng năm (chi tiết số vốn giao và giải ngân hằng năm); Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ; Danh mục dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm (không bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư); Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài đã ký Hiệp định, đã được gia hạn Hiệp định vay nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài có Hiệp định vay hết thời hạn trước 31 tháng 12 năm 2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ.

e) Tình hình thực hiện kế hoạch, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

g) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư; tình hình phân bổ, điều chỉnh, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án.

h) Đối với vốn ngân sách địa phương, đề nghị các địa phương báo cáo rõ số vốn cân đối ngân sách địa phương được địa phương giao hằng năm so với tổng số vốn đã được Quốc hội quyết nghị, số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao; tình hình thực hiện nguồn bội chi, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương hằng năm cho đầu tư. Đánh giá nguồn và mức độ thu từ đất, xỏ số kiến thiết so với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đánh giá tình hình thực hiện cam kết bố trí vốn của địa phương đối với những dự án có sử dụng vốn ngân sách trung ương, nhất là dự án trọng điểm. Đánh giá nguồn dư nợ ngân sách địa phương của các địa phương được áp dụng thí điểm các cơ chế chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Quốc hội.

**4.** Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển; tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư theo

phương thức đối tác công tư (PPP) trong giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn của nhà đầu tư).

5. Kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư dự án, năng lực tăng thêm. Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo từng nguồn vốn.

6. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc; Nguyên nhân (khách quan, chủ quan); Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bài học kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị (kể cả các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách cần triển khai trong thời gian còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra (nếu có)).

7. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG):

a) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần đánh giá:

- Kết quả xây dựng, ban hành, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình (bao gồm cả kết quả sửa đổi, bổ sung các văn bản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền); Đánh giá việc áp dụng các quy định đặc thù; Việc quản lý, điều hành và chấp hành các quy định trong triển khai thực hiện, quản lý các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025.

- Tình hình thực hiện, phân bổ, sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm: vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, trong đó cụ thể vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) chi tiết đến dự án/ tiểu dự án/ nội dung thành phần theo các bộ, cơ quan trung ương của từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025; Cân đối, sử dụng vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả bố trí vốn đối ứng).

- Các kết quả đạt được; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; trách nhiệm của các cấp, các ngành; đề xuất giải pháp, chính sách (nếu có).

b) Cơ quan chủ quản chương trình đánh giá:

- Tình hình ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các CTMTQG theo thẩm quyền, phân cấp. Đối với các địa phương, đánh giá tình hình tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý (đề nghị kiến nghị rõ cơ quan có thẩm quyền xử lý).

- Tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương (gồm vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, trong đó chi tiết vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có)), vốn đối ứng của địa phương phải bố trí và đã bố trí chi tiết đến dự án/ tiểu dự án/ nội dung thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025. Riêng các địa phương tự cân đối ngân sách, đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách địa phương bao gồm: vốn đầu tư, kinh phí thường xuyên, trong đó cụ thể vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có), chi tiết đến dự án/ tiểu dự án/ nội dung thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025.

- Các kết quả đạt được; các khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân (khách quan, chủ quan), bài học kinh nghiệm và trách nhiệm của các cấp, các ngành; đề xuất giải pháp, chính sách (nếu có).

- Kết luận của Kiểm toán nhà nước và kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực trong thực hiện các CTMTQG (nếu có).

c) Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

Đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương (gồm vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, trong đó cụ thể vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có)), chi tiết đến dự án/ tiêu dự án/ nội dung thành phần của từng CTMTQG giai đoạn 2021-2025. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; Kết luận của Kiểm toán nhà nước và kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan (nếu có).

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Tổng số vốn đầu tư công của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao cho bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Tình hình phân bổ vốn đầu tư công cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

2. Tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trong kế hoạch đầu tư công hằng năm (báo cáo cụ thể về tình hình điều chỉnh vốn kế hoạch giữa nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình cho nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, việc hoàn trả vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm cho nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình).

3. Kết quả đạt được. Tính khả thi và khả năng hoàn thành các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình theo các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, trách nhiệm của cá nhân, tập thể. Bài học kinh nghiệm. Đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có).

## **III. TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

### **1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030:**

a) Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển phục vụ cho việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 và dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

b) Tập trung bố trí trọng tâm, trọng điểm để triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án lớn, mang tính biểu tượng, xoay chuyển tình hình và chuyển trạng thái, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; đối với các địa phương, vốn đầu tư công được lập phù hợp với từng cấp chính quyền, từng cấp ngân sách, phạm vi địa giới hành chính và yêu cầu phát triển của các cấp địa phương. Số lượng dự án đầu tư vốn ngân sách trung ương thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phải thấp hơn giai đoạn 2021 - 2025 định hướng khoảng 15 đến 20% tổng số lượng dự án; để tập trung cho các dự án lớn quan trọng quốc gia và không mất nhiều thời gian làm thủ tục.

c) Tiếp tục ưu tiên các nguồn vốn đầu tư công ngân sách nhà nước cho xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng.

d) Chỉ bố trí vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Quán triệt nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước để dẫn dắt, khai thác tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc các ngành y tế, giáo dục, xã hội...

## **2. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030:**

a) Bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030; phù hợp với Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, quy hoạch quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương giai đoạn 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, an toàn nợ công.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết nghị thông qua. Không bố trí vốn đầu tư công cho chương trình, nhiệm vụ, dự án không thuộc đối tượng đầu tư công, ngành, lĩnh vực đầu tư công theo quy định.

Ngân sách trung ương (bao gồm cả hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương) phải tập trung đầu tư vào các dự án quan trọng quốc gia, công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, kiên quyết khắc phục tình trạng manh mún, dàn trải, kém hiệu quả; ngân sách địa phương tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện và dứt khoát không dàn trải, manh mún, phải có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao.

c) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, bộ, cơ quan trung ương và địa phương xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với các mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030; không bố trí vốn dàn trải, manh mún; tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự

án kết nối, có tác động liên vùng, liên quốc gia và liên quốc tế, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước, chuyển đổi xanh; thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu còn), thu hồi dứt điểm số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội (nếu còn).

d) Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư từ kế hoạch năm 2025 (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025) và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 để tổ chức lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030, vốn để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

đ) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với đề cao trách nhiệm và kiểm tra, giám sát; giảm thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư công, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

### **3. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030:**

Trên cơ sở các quy định tại Luật Đầu tư công, các mục tiêu, định hướng, nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại điểm 1 và 2 Mục III, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương rà soát, dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo từng nguồn vốn trong từng ngành, lĩnh vực cho nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán hết số nợ đọng xây dựng cơ bản (phát sinh trước ngày 01/01/2015) theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả hết số vốn ứng trước kế hoạch (nếu còn);

c) Phân bổ đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (chưa hoàn thành trong kỳ kế hoạch);

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (làm rõ vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

g) Phân bổ vốn cho cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

#### **IV. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030**

##### **1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan:**

a) Căn cứ Chỉ thị này, hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 **trước ngày 15 tháng 8 năm 2024.**

b) Khẩn trương xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ **trước ngày 20 tháng 8 năm 2024** xem xét, thông báo số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước dự kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Đầu tư công.

c) Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, trình cấp có thẩm quyền theo quy định **trước ngày 20 tháng 9 năm 2024.**

d) **Từ ngày 01 tháng 02 năm 2025 đến ngày 30 tháng 4 năm 2025**, thẩm định và có ý kiến thẩm định dự kiến kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

đ) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Quốc gia, báo cáo Chính phủ **trước ngày 31 tháng 7 năm 2025.**

##### **2. Bộ Tài chính:**

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan báo cáo Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn 2026 - 2030 **trước ngày 15 tháng 01 năm 2025.**

b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Mục này.

##### **3. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:**

a) Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định.

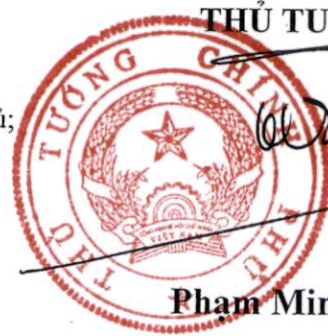
b) Căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, Chỉ thị này, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thực hiện rà soát, tổng hợp nhu cầu vốn, lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính **trước ngày 30 tháng 9 năm 2024.**

c) Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 1 Mục IV Chỉ thị này, hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính **trước ngày 30 tháng 6 năm 2025** để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện theo tiến độ quy định tại Luật Đầu tư công và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 có chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các PTTg Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý, Thư ký TTg, PTTg; các Vụ, Cục, đơn vị, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, KTTH (2). 108



**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**